

Bản án số: 75/2020/HS-ST
Ngày 28-10-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hải

Ông Hoàng Ngọc Năm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

Bị cáo: Trịnh H, sinh ngày 06 tháng 02 năm 1965 tại xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; **Trình độ văn hóa: 10/10; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh;** Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh B (Đã chết), con bà Nguyễn Thị L (Đã chết); Có vợ: Đoàn Thị T và có 03 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, Tiền sự: không; Nhân thân: Năm 1993 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù về tội Vu khống, 06 tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ. Tổng hợp hình phạt là 12 tháng tù cho hưởng án treo. Năm 2010 bị Công an Phường R, Thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/7/2020 đến ngày 15/7/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo: Lê Đăng Th, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1974 tại xã L, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn H, xã L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 03/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đăng B (đã chết), con bà Nguyễn Thị Ng (Đã chết); **Có vợ là Lê Thị T và có 03 con,** lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, Tiền sự: không; Nhân thân: Năm 1995 bị Tòa án nhân dân huyện S xét xử về tội Trộm cắp tài sản. Tuy nhiên quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện H đã tiến hành xác minh tại Tòa án nhân dân huyện S và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S: Không có bản

án và việc thi hành án phí. Năm 1997 bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Năm 2007 bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/8/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Lê Thị T – sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Hoàng Thanh T – sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng: **Chị Đoàn Thị T – sinh năm 1964**

Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bà Lê Thị Ph – sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 03/7/2020, Trịnh H điều khiển xe mô tô Honda Future màu đỏ đen BS 36B3-699.14 từ xã Q đến khu vực xã T để tìm mua đồ cổ, khi đi đến nhà chị Lê Thị T, H quan sát có 02 chậu đá cổ có hình dáng và kích thước giống nhau để ở trước nhà chị T. H hỏi mua nhưng chị T không bán. Đến khoảng 08h00' ngày 06/7/2020, Lê Đăng Th đến nhà H chơi, H rủ Th đến nhà chị T xem có bán 02 chậu đá không. Th điều khiển xe máy Honda Future màu đỏ đen BS 36B3-699.14 chở H đến nhà chị T thì thấy cửa cổng khóa nên cả hai nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Th trèo qua tường rào vào trong còn H đứng ngoài canh giới. Th bê chậu thứ nhất để lên tường rào, H đứng ngoài đỡ xuống yên xe. Th tiếp tục bê chậu thứ hai đặt lên tường rào rồi trèo ra ngoài đỡ chậu thứ hai xuống. Sau khi trộm cắp được tài sản, cả hai đem về nhà H. H đưa cho Th 5.000.000đ, nhận tiền xong Th về. Đến khoảng 11h cùng ngày H bán lại hai chậu đá trên cho anh Hoàng Thanh T lấy 16.000.000đ.

Sau khi bị mất tài sản, chị Lê Thị T đến Công an xã T trình báo sự việc. Công an xã T chuyển đến Cơ quan điều tra Công an huyện H để điều tra theo thẩm quyền. Cơ quan điều tra Công an huyện H tiến hành khám nghiệm hiện trường và thu thập các tài liệu chứng cứ. Đến khoảng 23h30' ngày 06/7/2020 biết không thể trốn tránh pháp luật, Trịnh H đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện H đầu thú khai nhận hành vi phạm tội và giao nộp số tiền 16.000.000đ có được từ việc bán chậu đá cho Hoàng Thanh T. Lê Đăng Th bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan điều tra Công an huyện H đã ra Quyết định truy nã. Đến ngày 23/8/2020 Lê Đăng Th đến phòng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Thanh Hóa đầu thú.

Cơ quan điều tra Công an Hoàng Hóa tiến hành thu giữ: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Future màu sơn đỏ đen mang BKS 36B3-699.14 số khung DY051210, số máy

54E1079984, xe đã qua sử dụng; 02 chậu đá hình vuông màu trắng (có pha xanh nhạt), kích thước miệng mỗi chậu 30cm, chiều cao 26cm, hoa văn bốn mặt chữ Thọ (khắc chìm).

Biên bản giám định cổ vật ngày 07/7/2020 của Hội di sản văn hóa và cổ vật Thanh Hóa kết luận: 02 chậu đá hình vuông màu trắng (có pha xanh nhạt) kích thước miệng chậu 30cm, chiều cao 26cm, hoa văn bốn mặt chữ Thọ (khắc chìm) là đôi chậu đá có niên đại thời Nguyễn (vào khoảng cuối thế kỷ thứ XIX đầu thế kỷ XX). Cả hai chiếc chậu đều là cổ vật.

Kết luận định giá tài sản số 30/HĐĐG ngày 09/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, kết luận: 02 chậu đá hình vuông màu trắng (có pha xanh nhạt) kích thước miệng chậu 30cm, chiều cao 26cm, hoa văn bốn mặt chữ Thọ (khắc chìm) trị giá 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Về vật chứng của vụ án: Sau khi định giá tài sản, Cơ quan điều tra Công an huyện H đã trả 02 chiếc chậu đá cho bị hại là chị Lê Thị T. Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Future màu sơn đỏ đen mang BKS 36B3-699.14 số khung DY051210, số máy 54E1079984, xe đã qua sử dụng là xe của Trịnh H sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên bản giao nhận vật chứng số 02/BBGN ngày 08/10/2020.

Về dân sự: Bị hại là chị Lê Thị T sau khi nhận lại tài sản không có yêu cầu bồi thường gì. Số tiền 16.000.000đ Trịnh H bán chậu cổ cho anh Hoàng Thanh T, do anh T không biết tài sản do trộm cắp mà có nên VKS đã trả lại cho anh T.

Bản cáo trạng số 76/CTr-VKSHH ngày 30/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo Trịnh H và Lê Đăng Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trịnh H và Lê Đăng Th đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trịnh H và Lê Đăng Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b,s khoản 1, **khoản 2** Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trịnh H, xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng đến 36 tháng; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, **khoản 2** Điều 51, Điều 17, **Điều 58**, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Đăng Th, xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam;

Đề nghị không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được nhận lại tài sản và không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về xử lý vật chứng: **Đề nghị tịch thu xung quỹ Nhà nước chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Future màu sơn đỏ đen mang BKS 36B3-699.14. Truy thu của Lê Đăng Th số**

tiền 5.000.000đ là tiền Th được nhận từ H do phạm tội mà có.

Về án phí: Đề nghị buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không có tranh luận gì. Tại lời nói sau cùng, các bị cáo xin lỗi gia đình, xin lỗi người bị hại, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với hành vi của các bị cáo: Với động cơ, mục đích vụ lợi nên Trịnh H và Lê Đăng Th đã lợi dụng chủ sở hữu vắng nhà, trèo tường, đột nhập vào nhà chị Lê Thị T, trộm cắp tài sản gồm 02 chậu đá là cổ vật, có niên đại thời Nguyễn (vào khoảng cuối thế kỷ thứ XIX đầu thế kỷ XX). Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo H và Th đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm, hình phạt được quy định và trừng trị tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi: Trong vụ án này, các bị cáo Trịnh H và Lê Đăng Th là đồng phạm trong thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị Lê Thị T, tuy nhiên, sự đồng phạm của các bị cáo không có sự tổ chức, **bàn bạc, phân công nhiệm vụ** nên là đồng phạm giản đơn. Lợi dụng việc chủ sở hữu vắng nhà, các bị cáo H và Th đã nảy sinh ý định trộm cắp và đã đột nhập nhà chị Lê Thị T, trộm cắp 02 chiếc chậu đá, là cổ vật thời Nguyễn. Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp được định giá là 15.000.000đ. Sau khi trộm cắp, H đã đưa cho Th 5.000.000đ và đem bán chậu đá được 16.000.000đ. Hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội. Do đó cần phải xử lý nghiêm, **tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.**

[4] Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã đến cơ quan điều tra Công an huyện H đầu thú, nên

đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trịnh H sau khi thực hiện hành vi, ngay tối ngày 06/7/2020, đã đến cơ quan điều tra Công an huyện H đầu thú và giao nộp số tiền 16.000.000đ có được do bán tài sản trộm cắp nên được hưởng tình tiết “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử nhận thấy cần giảm cho các bị cáo một phần trách nhiệm hình sự, thể hiện sự nhân đạo và khoan hồng của pháp luật.

Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét vai trò thực hiện hành vi, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để áp dụng hình phạt đối với từng bị cáo.

Bị cáo H và Th đã cùng nảy sinh ý định trộm cắp và Th nhất thực hiện hành vi, Th là người trực tiếp vào nhà chị T trộm cắp, còn H ở ngoài canh giới và đỡ tài sản trộm cắp, đủ khẳng định cả hai cùng tích cực như nhau khi thực hiện hành vi, vì vậy cả hai phải chịu trách nhiệm hình sự như nhau đối với hành vi mình thực hiện.

Bị cáo Trịnh H có nhân thân từng bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù về tội Vu khống, 06 tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ. Tổng hợp hình phạt là 12 tháng tù cho hưởng án treo. Năm 2010 bị Công an Phường R, thành phố T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau. Tuy nhiên, bị cáo đã được xóa án tích và đã chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính, không còn tiền án, tiền sự. Sau khi thi hành xong hình phạt, bị cáo đều đã thể hiện bản thân tự cải tạo tốt, không gây nguy hiểm cho xã hội, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018. Vì vậy, không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục và để bị cáo thấy sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Lê Đăng Th có nhân thân nhiều lần phạm tội “Trộm cắp tài sản”: Năm 1995 bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt về tội Trộm cắp tài sản. Tuy nhiên quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện H đã tiến hành xác minh tại Tòa án nhân dân huyện S và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S: không có bản án và việc thi hành án phí. Năm 1997 bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Năm 2007 bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Lần này, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn và bị truy nã, mặc dù sau đó bị cáo có ra đầu thú, nhưng theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, bị cáo không được hưởng án treo vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Thị T, anh Hoàng Thanh T không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[6]. Về xử lý vật chứng:

02 chiếc chậu đá cổ, các bị cáo trộm cắp của chị T, sau khi định giá tài sản, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

Số tiền 16.000.000đ là tiền bị cáo Trịnh H bán tài sản trộm cắp cho anh Hoàng Thanh T, anh T không biết tài sản H bán cho mình là tài sản trộm cắp nên Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã trả lại cho anh T là phù hợp.

Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Future màu sơn đỏ đen mang BKS 36B3-699.14 số khung DY051210, số máy 54E1079984, xe đã qua sử dụng, là phương tiện các bị cáo dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu xung quỹ Nhà nước.

Số tiền 5.000.000đ Th nhận từ H, là tiền do hành vi vi phạm pháp luật mà có, Th đã tiêu xài cá nhân hết, nên cần truy thu xung quỹ Nhà nước.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trịnh H.

Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Đăng Th.

Tuyên bố các bị cáo Trịnh H, Lê Đăng Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trịnh H 12 (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai tư) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trịnh H cho UBND xã Hoằng Quỳ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong quá trình giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Lê Đăng Th 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 23/8/2020)

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, thanh lý, xung quỹ nhà nước chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Future màu sơn đỏ đen mang BKS 36B3-699.14 hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên bản giao nhận vật chứng số 02/BBGN ngày 08/10/2020.

Buộc bị cáo Th phải nộp lại số tiền 5.000.000đ để xung quỹ Nhà nước.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Trịnh H, Lê Đăng Th mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện H;
- **CQĐT CA huyện H;**
- **Bị cáo; Người bị hại;**
- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;**
- **Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;**
- **UBND xã Q huyện H;**
- **UBND xã L, thành phố T;**
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Hải

Đỗ Thế Huân

Lê Thị Ngọc Vân